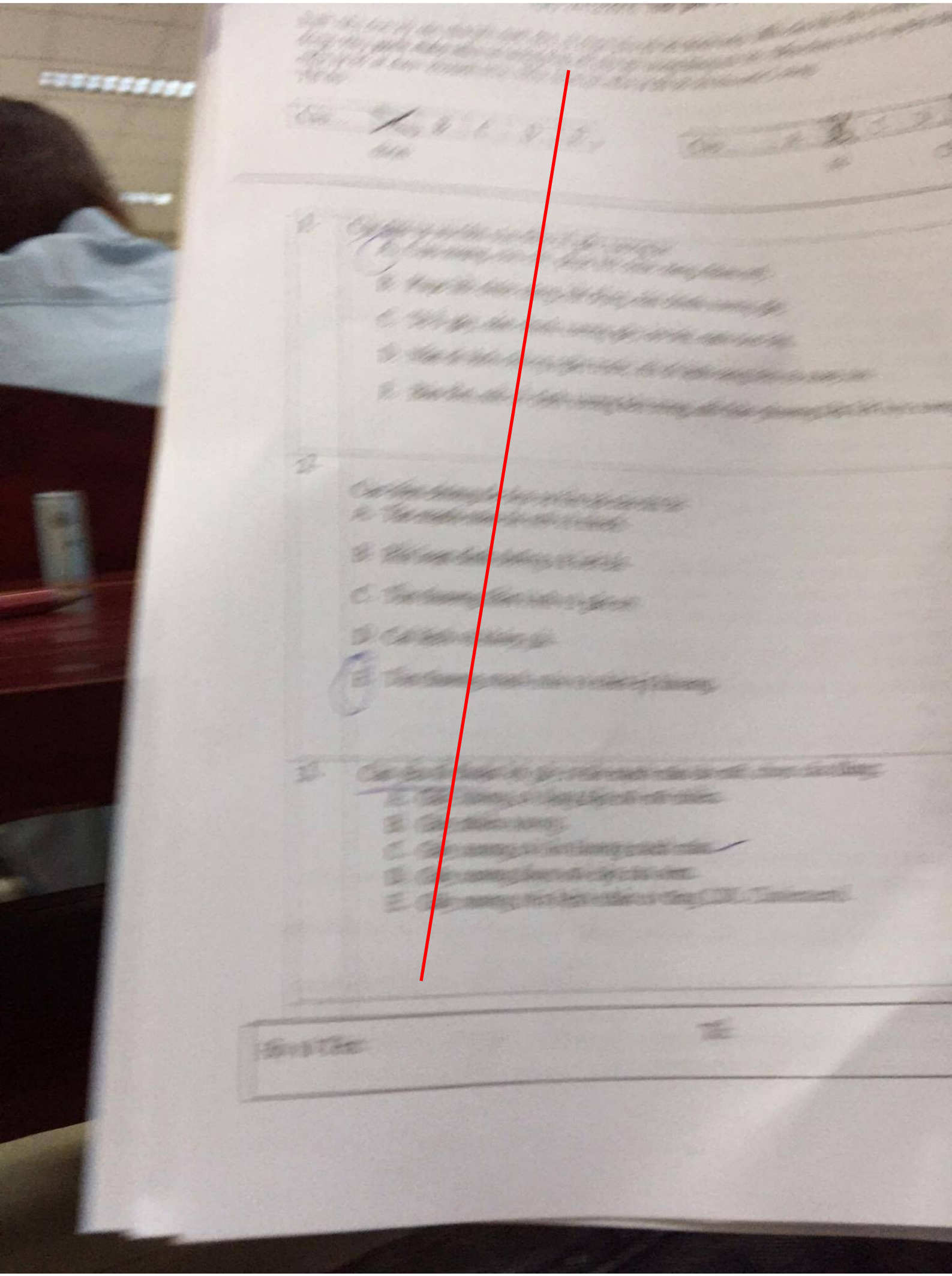

B. Môn khoa học nghiên cứu ứng dụng các yếu tố vật lý để phòng và chữa bệnh

C. Môn khoa học nghiên cứu ứng dụng các yếu tố sinh học để chữa bệnh

D. Môn khoa học nghiên cứu ứng dụng các yếu tố hoá học,vật lý, sinh học để phòng và chữa bệ

E. Cả ba ý trên đều đúng.

5. Nói về chấn thương cột sống. Chọn câu sai:
A. Là chấn thương nặng, có thể gây tàn phế
B. Phẫu thuật sớm, đúng cách đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn ngừa biến chứng
C. Cấp cứu ban đầu đúng cách giúp giảm thiểu nguy cơ biến chứng
D. Cần phải cố định đúng cách khi di chuyển bệnh nhân
E. Cần có một đội ít nhất là 3 người

6. Phản xạ hành hang (Bulbocavernosus reflex). Cách khám, chọn câu sai :
A. Bóp qui đầu dương vật
B. Gõ trên xương mu
C. Kích thích xung quanh hậu môn
D. Kéo sonde niệu đạo
E. Kích thích vùng da bụng

mất trong shock tủy, sẽ tự hồi phục sau 24h, nếu ko hồi phục thì khả năng tủy phục hồi rất thấp
dấu này ko có giá trị trong HC chùm duôi ngựa, HC chóp tủy

7. Hội chứng tủy trước (Anterior cord syndrome). Chọn câu sai:
A. Liệt vận động hai chi dưới
B. Mất cảm giác đau nhiệt
C. Còn cảm giác sờ nông, cảm giác bản thể
D. Khả năng phục hồi vận động 90%
E. Do tổn thương sừng trước

8. Hội chứng chùm đuôi ngựa:
A. Chỉ tổn thương một vài rễ thần kinh
B. Liệt hai chân, không rối loạn cảm giác
C. Chỉ rối loạn cảm giác, không yếu liệt chân
D. Rối loạn cơ vòng
E. Tổn thương dễ phục hồi

Saddle anesthesia (mất cảm giác yên ngựa)
Bilateral radicular pain, numbness, weakness

9. Theo Denis, cột sống được chia ra làm:
A. 2 cột
B. 3 cột
C. 4 cột
D. 5 cột
E. 6 cột

10. Định nghĩa viêm xương. Chọn câu đúng nhất
A. Viêm xương hay viêm xương tuỷ là từ dùng để chỉ tình trạng viêm xương do tác nhân nhiễm trùng.
B. Viêm xương là tình trạng sưng, nóng, đỏ, đau do hiện tượng viêm có thể do tác nhân hoá học hay vật lý
C. Lao xương không phải là viêm xương vì không có hiện tượng viêm với bốn triệu chứng sưng, nóng, đỏ ,đau.
D. Viêm xương là hiện tượng nhiễm trùng xương duy nhất do từ đường máu gây ra
E. Viêm xương là thể nặng hơn của viêm xương tuỷ

18. Chi phối cảm giác mặt lòng bàn tay từ cổ tay đến bụp ng
bên quay của ngón nhẫn là thần kinh
A. Thần kinh trụ
B. Thần kinh giữa
C. Thần kinh quay
D. Thần kinh bì cẳng tay
E. Thần kinh gian cốt trước

19. Dấu vuốt trụ ở bàn tay trong liệt thần kinh trụ : chọn 1 câu đúng nhất
A. Co rút gập 5 ngón tay như móng vuốt của con mèo
B. Duỗi khớp bàn ngón tay và gập thụ động khớp liên đốt chỉ ở ngón 4, 5 thôi
C. Do mất dạng và khép ngón tay gây ra
D. Dấu hiệu vuốt trụ rõ khi tổn thương thần kinh trụ vùng gần cổ tay
E. Câu B và D đều đúng

câu B đúng, câu D ko bik đúng ko

20. Về phân bố trên cơ thể, loại nào sau đây chiếm tỉ lệ cao nhất trong Lao Xương – khớp:
A. Lao khớp háng.
B. Lao khớp gối.
C. Lao cột sống.
D. Lao khớp cổ chân – bàn chân.
E. Lao vị trí khác.

21 Tổn thương điển hình của Lao xương khớp trên vi thể là:
A. Viêm xương tủy.
B. Nang lao.
C. Chất bã đậu.
D. Màng hoạt dịch viêm.
E. Tất cả đều sai.

22 Biểu hiện lâm sàng của Lao Xương - khớp, chọn câu phù hợp nhất:
A. Hội chứng nhiễm trùng – nhiễm độc mạn tính.
B. Đau tại vị trí tổn thương.
C. Liệt 2 chi dưới.
D. Dò mủ.
E. Hạch gốc chi

câu nào cũng đúng, ko bik chọn câu nào

23 Xét nghiệm cơ bản chẩn đoán Lao xương khớp, chọn câu đúng

A. Phản ứng lao tố.

B. X-quang phổi.

C. Bi lan lao.

D. Tìm vi khuẩn lao trong dịch ổ abscess

E. Sinh thiết – GPBL

tiêu chuẩn duy nhất để chẩn đoán xác định là tìm và cấy đc vi trùng từ bao khớp

24 Ba loại Bướu xương nào hay gặp nhất là:

A. Sarcoma tạo xương, Sarcoma sụn, Bướu đại bào.

B. Bướu đại bào, bướu sụn xương, bướu lành sụn.

C. Bướu lành sụn, sarcoma tạo xương, bướu limpho.

D. Sarcoma sụn, bướu lành sụn, sarcoma tạo xương.

E. Sarcoma tạo xương, bướu sụn xương, bướu đại bào xương

25 Lứa tuổi hay bị bướu xương nguyên phát nhất là:

A. Dưới 10 tuổi.

B. 11 – 30.

C. 21 – 40.

D. 41 – 60.

E. Trên 60

26 Phương tiện CLS nào sau đây là hình ảnh y học đầu tay trong chẩn đoán

A. X-quang qui ước.

B. Siêu âm.

C. X- quang cắt lớp điện toán (CT).

D. Hình ảnh cộng hưởng từ (MRI).

E. Xạ hình xương (Bone scan)

27 Gãy xương đòn:

A. Đa số điều trị bảo tồn.

B. Hầu hết xương lành và cal lệch xấu

C. Đa số gãy 1/3 giữa và ngoài

D. Đa số điều trị phẫu thuật

E. A,B,C đúng

28 Gãy xương đòn: chỉ định phẫu thuật. Chọn câu sai

A. Gãy hở

B. Doạ mở ra da

C. Bập bênh khớp vai

D. Gãy nhiều mảnh

E. Thẩm mỹ

C. Xương gãy dễ lành
D. Gặp ở người trẻ thì lực chấn thương mạnh
E. B,C,D đúng

30 Gãy Galeazzi các tổn thương:
A. Gãy 1/3 dưới xương quay
B. Trật khớp quay trụ dưới, đứt dây chằng tam giác hoặc gãy mỏm trâm trụ
C. Rách màng gian cốt
D. A,B đúng
E. A,B,C đúng

31 Gãy Monteggia có các tổn thương:
A. Gãy 1/3 trên xương trụ
B. Gãy thân xương trụ
C. Trật chỏm quay
D. A,C đúng
E. B,C đúng

32 Gãy 2 xương cẳng tay tư thế bất động cẳng tay sau khi nắn , bó bột
A. Gãy 1/3 trên cẳng tay ngửa
B. Gãy 1/3 giữa cẳng tay sấp
C. Gãy 1/3 trên cẳng tay trung tính
D. Gãy 1/3 giữa cẳng tay ngửa
E. A,B đúng

33 Gãy thân xương cánh tay
A. Gãy ngang dễ lành xương gãy ngang, hạn chế vận đông khớp vai, tuổi già, béo phì, tiểu đường là YTNC ko lành xương
B. Đa số gặp gãy 1/3 trên
C. Đa số gặp gãy 1/3 giữa và dưới
D. Hay gặp biến chứng tổn thương thần kinh quay
E. C,D đúng

34 Gãy đầu dưới xương quay . Chọn câu sai
A. Là gãy xương chi trên thường gặp nhất
B. Là gãy xương thường gặp ở phụ nữ mãn kinh
C. Gãy Proteau- Colles: gãy ngoài khớp di lệch ra sau
D. Gãy Smith: gãy ngoài khớp di lệch ra trước
E. Gãy Barton: gãy mỏm trâm quay gãy barton là phạm khớp. Gãy chauffeur (tài xế) mới là gãy mỏm trâm quay

35 Vết thương phần mềm :
A. Chỉ các thương tích gây rách da, cân cơ
B. Chỉ các thương tích gây rách da, mô liên kết dưới da, mạch máu
C. Chỉ các thương tích gây rách da, mô liên kết dưới da, mạch máu và th
D. Chỉ các thương tích gây rách da, mô liên kết dưới da, cân cơ
E. Chỉ các thương tích gây rách da, mô liên kết dưới da, cân cơ, mạch

36 Theo mức độ nông sâu, vết thương phần mềm độ 2 nghĩa là :
A. Đỏ da, da còn nguyên vẹn, đổi bạc màu khi ấn
B. Mất sự liên tục của da, tổn thương lớp thượng bì và một phần lông hoặc tuyến mồ hôi
C. Mất da, tổn thương mô mỡ dưới da, không lộ gân xương, ba
D. Mất da đến lớp cân nông của cơ
E. Mất da đến lớp cơ hoặc lộ gân xương, bao khớp

37 Vấn đề cần
A. Nhiễm trùng,
B. Chảy máu, liệt kê đầy đủ
C. Choáng chấn thương, đe dọa mất
D. Nhiễm trùng, choáng chấn thương, hoại tử
E. Choáng chấn thương, chảy máu, tổn thương giải phẫu

38 Giữ ẩm vết thương :
A. Không cần thiết, nên để khô bề mặt để vết thương mau lành hơn
B. Giúp vết thương mau lành
C. Chỉ cần thiết đối với vết thương phần mềm mãn tính
D. Chỉ cần thiết đối với vết thương phần mềm cấp tính
E. Không nên, vì tăng nguy cơ nhiễm trùng do độ ẩm

39 Vấn đề cần quan tâm của vết thương đâm chọc nhỏ :
A. Đau nhức do dị vật, nhiễm trùng, uốn ván
B. Chảy máu, đe dọa mất chi
C. Tổn thương giải phẫu đáng kể
D. Choáng chấn thương
E. Hoại tử da hoặc tổ chức dưới da

40 Trật khớp háng bẩm sinh ở trẻ em có thể phát hiện trên X quang ở lứa tuổi:
A. Mới sinh
B. 1-2 tháng tuổi
C. 3-4 tháng tuổi
D. 4-6 tháng tuổi
E. 6-8 tháng tuổi

tránh để cơ quan sinh dục tiếp xúc tia X quá sớm, xương chưa cốt hóa

41 4 biến dạng thường gặp ở bàn chân khoèo:
A. Bàn chân bẹt, khép, vẹo ngoài, gập lòng
B. Bàn chân bẹt, khép, vẹo trong, gập lưng
C. Bàn chân vòm, khép, vẹo trong, gập lòng
D. Bàn chân vòm, khép, vẹo ngoài, gập lưng
E. Bàn chân vòm, khép, vẹo ngoài, gập long

42 Biến dạng đầu tiên được điều trị ở bàn chân khoèo theo phương pháp Po
A. Bàn chân gập lòng
B. Bàn chân vẹo trong
C. Bàn chân khép
D. Bàn chân vòm
E. Bàn chân bẹt

Phương pháp Ponseti điều trị bàn chân khoèo

43 Vùng đầu xương có nhiều sụn tăng trưởng nhất là: gần gối, xa khuỷu

A. Đầu trên xương đùi
B. Đầu dưới xương chày
C. Đầu trên xương quay
D. Đầu dưới xương cánh tay
E. Đầu trên xương cánh tay

44 Bé nam, 12 tuổi, gãy bong sụn tiếp hợp đầu dưới xương đùi theo hình X quang sau thuộc phân loại Salter-Harris:

A. I
B. II
C. III
D. IV
E. V

46 Loại gãy xương thường gặp nhất ở vùng khuỷu của trẻ em:

A. Gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
B. Gãy mỏm trên lồi cầu trong xương cánh tay
C. Gãy trên 2 lồi cầu xương cánh tay
D. Gãy bong sụn tiếp hợp đầu dưới xương cánh tay
E. Gãy liên lồi cầu xương cánh tay

47 Di lệch nào sau đây không thể tự điều chỉnh được trong gãy

A. Chồng ngắn
B. Gập góc
C. Sang bên
D. Xoay
E. Xa

48 Nguyên tắc điều trị các tổn thương dây chằng giai đoạn viêm tấy cấp tính, Ngoại Trừ:

A. Chườm lạnh
B. Băng ép
C. Kê cao chi
D. Nghỉ ngơi
E. Vận động chủ động

49. Giai đoạn nào trong sinh lý bệnh tổn thương dây chằng xảy ra quá trình dọn dẹp các yếu tố b lợi cho lành thương?

A. Viêm tấy
B. Sửa chữa
C. Tu chỉnh
D. Trưởng thành
E. Phục hồi

Gđ1: viêm tấy: chỉ giãn mạch, bạch cầu thoát ra thôi
Gđ2: phục hồi: đại thực bào tiêu hủy tế bào chết, máu cục...Nguyên bào sợi tạo chồi mạch máu. Sợi collagen hình thành nhưng chưa theo hướng của sức kéo, chỉ chịu đc sức kéo tối thiêu
Gđ3: tái tạo: collagen định hướng

50. Chương trình PHCN cho bệnh nhân đoạn chi được bắt đầu:

A. Từ khi có chỉ định phẫu thuật.
B. Ngày trước phẫu thuật.
C. Ngày 1 hậu phẫu.
D. 1 tuần sau mổ.
E. Ngày xuất viện.

HẾT

Đề gồm 9 trang, 50 câu hỏi.